

Số: /KH-TCT06

Tuy Phước, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quyết định số 4466/QĐ-UBND
ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt danh mục
42 mô hình thực hiện Đề án 06 trên địa bàn huyện Tuy Phước**

Thực hiện Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt danh mục 42 mô hình thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ Chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” (gọi tắt là Đề án 06) trên địa bàn tỉnh Bình Định, Tổ công tác thực hiện Đề án 06 huyện Tuy Phước xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện các mô hình của Đề án 06 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp, biện pháp, tổ chức triển khai các Mô hình điểm về chuyển đổi số để triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06 và Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh Bình Định trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

- Triển khai các giải pháp đồng bộ phát triển VNeID và Ứng dụng công dân số trên nguyên tắc thống nhất, liên thông dữ liệu hướng đến tiện ích cho người dân, doanh nghiệp; góp phần quản lý Nhà nước về trật tự xã hội.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia, thực hiện hiệu quả các mô hình triển khai được ngay gắn với 05 nhóm tiện ích đã xác định trong thực hiện Đề án 06; tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến trên địa bàn huyện; đảm bảo tính bảo mật dữ liệu cá nhân, thông tin của công dân được đồng bộ cập nhật trên hệ thống, chủ động phòng ngừa, phát hiện tội phạm, góp phần đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn huyện.

2. Yêu cầu

- Phát huy vai trò của Tổ công tác triển khai Đề án 06 cấp cơ sở là “hạt nhân” trong hướng dẫn thực hiện dịch vụ công trực tuyến, chuyển đổi số. Nâng cao vai trò, tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị liên quan trong thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án 06 về xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế

số, xã hội số phù hợp, thống nhất với Chương trình chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

- Triển khai thực hiện các mô hình phải bảo đảm hiệu quả, an ninh, an toàn và bảo mật, bí mật thông tin công dân; tuân thủ chặt chẽ quy trình nghiệp vụ bảo đảm thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, đạt hiệu quả cao.

- Quá trình triển khai thực hiện phải thực hiện đúng quy định, có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao phục vụ mục tiêu phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phù hợp với yêu cầu thực tế, đặc thù, đặc điểm tại địa phương.

II. PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi triển khai

Trên cơ sở hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của BCD thực hiện Đề án 06 tỉnh Bình Định về phê duyệt danh mục 42 mô hình của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh tại Công văn số 471/BCĐ06 ngày 21/02/2024, TCT thực hiện Đề án 06/CP huyện Tuy Phước lựa chọn **37 mô hình** triển khai tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện (*có Phụ lục phân công nhiệm vụ và dự trù kinh phí thực hiện kèm theo*).

2. Thời gian thực hiện: Từ tháng 9/2024 và những năm tiếp theo.

3. Nội dung thực hiện và phân công nhiệm vụ

3.1. Nhóm tiện ích phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp Dịch vụ công trực tuyến (*bao gồm 04 mô hình*)

3.1.1 Mô hình 1: Triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu

a. Mục tiêu: Hướng dẫn tổ chức triển khai đồng bộ theo lộ trình Đề án 06/CP (25 dịch vụ công thiết yếu của Đề án 06; 28 dịch vụ công tại Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022).

b. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Rà soát, khảo sát đánh giá tỷ lệ người dân am hiểu, sử dụng điện thoại thông minh; trình độ dân trí cao tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện để tham mưu, đề xuất tổ chức triển khai DVC.

Bước 2: Tuyên truyền đến người dân về những giá trị, tiện ích khi tham gia thủ tục hành chính trên DVC trực tuyến để người dân tự nguyện tham gia.

Bước 3: Huy động, bố trí nguồn nhân lực có trình độ công nghệ thông tin (*người trẻ tuổi, đoàn viên thanh niên, học sinh sinh viên, giáo viên,...*) để nghiên cứu quy trình các bước thực hiện DVC và hướng dẫn người dân khi tham gia thủ tục hành chính trên DVC trực tuyến.

Bước 4: Đánh giá kết quả triển khai và rút kinh nghiệm để tiếp tục triển khai trên toàn huyện.

c. Địa điểm triển khai thực hiện: Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn huyện.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 cấp cho UBND huyện.

e. Phân công nhiệm vụ: Văn phòng HĐND&UBND và Công an huyện chủ trì, phối hợp Bộ phận Một cửa huyện và 13 xã, thị trấn, Phòng Văn hóa & thông tin, Phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

g. Thời gian hoàn thành: Theo lộ trình của Cục C06- BCA.

3.1.2. Mô hình 3: Xây dựng tối thiểu 20 dịch vụ công không sử dụng hồ sơ giấy

a. Mục tiêu: Rà soát triển khai các dịch vụ công đảm bảo điều kiện dữ liệu được làm sạch và được xác minh tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thay thế các hình thức hồ sơ giấy.

b. Nội dung thực hiện:

Văn phòng HĐND và UBND huyện rà soát các thủ tục đảm bảo điều kiện thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

c. Địa điểm triển khai thực hiện: Bộ phận Một cửa huyện và 13 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 cấp cho UBND huyện.

e. Phân công nhiệm vụ: Văn phòng HĐND và UBND huyện chủ trì, phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

g. Thời gian hoàn thành: Năm 2024 và những năm tiếp theo.

3.1.3 Mô hình 4: Lưu trữ, chứng thực các giấy tờ tài liệu điện tử phục vụ người dân, doanh nghiệp tham gia môi trường số.

a. Mục tiêu: Tạo kho dữ liệu, tài liệu cá nhân; tích hợp với VNeID, kết quả chứng thực điện tử của người dân có giá trị pháp lý để tái sử dụng thực hiện các giao dịch thủ tục hành chính.

b. Nội dung thực hiện:

- Bước 1: Đánh giá giải pháp lưu trữ, chứng thực dữ liệu điện tử lựa chọn thuê hoặc đầu tư.

- Bước 2: Triển khai tích hợp với các hệ thống giải quyết TTHC để dùng chung, tái sử dụng giấy tờ, dữ liệu điện tử khi giao dịch.

- Bước 3: Thực hiện số hóa, chứng thực tài liệu điện tử cho công dân, tổ chức để lưu trữ điện tử trên ứng dụng của BCA, các ứng dụng số khác nhau.

c. *Địa điểm triển khai thực hiện:* Bộ phận Một cửa huyện và 13 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

d. *Kinh phí thực hiện:* Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 cấp cho UBND huyện.

e. *Phân công nhiệm vụ:* Văn phòng HĐND và UBND huyện chủ trì, phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

g. *Thời gian hoàn thành:* Năm 2024 và những năm tiếp theo.

3.1.4. Mô hình 5: Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên VNeID

a. *Mục tiêu:* Tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến ngay trên ứng dụng VNeID, không cần đăng ký qua Cổng dịch vụ công.

b. *Nội dung thực hiện:*

Bước 1: Tiến hành khảo sát các dịch vụ công cần tích hợp vào VNeID.

Bước 2: Ban hành văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền triển khai tích hợp các dịch vụ công trực tuyến trên ứng dụng VNeID.

Bước 3: Tổ chức tuyên truyền đến người dân để cài đặt, kích hoạt tài khoản định danh điện tử và sử dụng ứng dụng VNeID đã có các dịch vụ công để nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến.

Bước 4: Đánh giá tính hiệu quả và phản ánh kịp thời về những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên VNeID để phối hợp C06 - Bộ Công an xử lý.

c. *Địa bàn thực hiện:* Chọn địa bàn xã Phước Nghĩa làm thí điểm triển khai thực hiện.

d. *Kinh phí thực hiện:* Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 cấp cho UBND huyện.

e. *Thời gian hoàn thành:* Trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

g. *Phân công nhiệm vụ:* Giao Công an huyện chủ trì, phối hợp Văn phòng HĐND&UBND huyện; Phòng Tài chính - Kế hoạch; UBND xã Phước Nghĩa tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, nhân rộng ra địa bàn toàn huyện.

3.2. Nhóm tiện ích phát triển kinh tế xã hội (bao gồm 16 mô hình)

3.2.1. Mô hình 6: Khám chữa bệnh sử dụng thẻ CCCD và VNeID

a. *Mục tiêu:* 100% cơ sở khám, chữa bệnh thực hiện tiếp nhận CCCD gắn chip hoặc VNeID khi người dân thực hiện khám, chữa bệnh.

b. *Nội dung thực hiện:*

Bước 1: Phòng Y tế rà soát các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn, lập danh sách thống kê số thiết bị đầu đọc thẻ CCCD

Bước 2: Đề xuất mua trang thiết bị đầu đọc thẻ CCCD

Bước 3: Tích hợp đầu đọc với hệ thống khám chữa bệnh.

c. Địa bàn thực hiện: Các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn huyện

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 cấp cho UBND huyện.

e. Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên.

g. Phân công nhiệm vụ: Giao Phòng Y tế huyện chủ trì, phối hợp Công an huyện; BHXH huyện; Phòng Văn hóa & Thông tin; Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

3.2.2. Mô hình 7: Khám chữa bệnh sử dụng sinh trắc học KIOS tự phục vụ

a. Mục tiêu: Người dân tiến hành đăng ký khám chữa bệnh thông qua công nghệ tự động hóa được hỗ trợ tại kiosk, nhằm giảm việc đón bệnh nhân trực tiếp, định danh bệnh nhân tài khoản thanh toán trong quá trình khám chữa bệnh; tích hợp với phần mềm quản lý bệnh viện để liên thông theo dõi bệnh nhân, lịch sử bệnh,...

b. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Phòng Y tế rà soát các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn huyện, lập danh sách thống kê số lượng thiết bị đầu đọc thẻ CCCD gắn chip có xác định danh tính của Bộ Công an.

Bước 2: Đề xuất đầu tư mua thiết bị Kiosk (*lập danh sách nhu cầu và số lượng gửi C06 qua Trung tâm RAR*)

Bước 3: C06 đồng hành tích hợp giải pháp vào hệ thống quản lý Bệnh viện

Bước 4: Tổ chức triển khai, tuyên truyền và có hướng dẫn cách thức sử dụng Kiosk tại nơi đặt thiết bị.

Bước 5: Đánh giá hiệu quả triển khai và đề xuất nhân rộng trên địa bàn huyện.

c. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 cấp cho UBND huyện.

e. Phân công nhiệm vụ: Giao Phòng Y tế huyện chủ trì, phối hợp Công an huyện; Văn phòng HĐND&UBND huyện; Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

g. Thời gian hoàn thành: Theo lộ trình của Cục 06- BCA

3.2.3. Mô hình 8: Triển khai tại các điểm công chứng, chứng thực

a. Mục tiêu: Toàn bộ các điểm chứng thực bảo đảm điều kiện cho người dân sử dụng CCCD gắn chip hoặc VNeID khi đi công chứng, chứng thực thay cho các loại giấy tờ, nhằm hạn chế việc yêu cầu người dân xuất trình các loại giấy tờ liên quan.

b. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Phòng Tư pháp huyện chủ trì, phối hợp rà soát Bộ phận Tư pháp – Hộ tịch các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, lập danh sách thống kê số lượng thiết bị đầu đọc thẻ CCCD.

Bước 2: Đề xuất đầu tư mua thiết bị đầu đọc thẻ CCCD.

Bước 3: Tích hợp đầu đọc với hệ thống công chứng.

c. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 cấp cho UBND huyện.

e. Phân công nhiệm vụ: Giao Phòng Tư pháp huyện chủ trì, phối hợp Công an huyện; Phòng Tài chính - Kế hoạch chọn 03 đơn vị (Phước Lộc, Phước Hiệp, Phước Quang) triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

g. Thời gian hoàn thành: Trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

3.2.4. Mô hình 9: Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại: nhà trọ, nhà nghỉ; khách sạn 2-3*; khách sạn 4*; khách sạn 5*; nhà khách; nhà công vụ.

a. Mục tiêu: Các cơ sở lưu trú sử dụng phần mềm thông báo lưu trú ASM được kết nối với Hệ thống CSDLQG về DC, bảo đảm tính bảo mật dữ liệu cá nhân, thông tin khách lưu trú được đồng bộ và cập nhật liên tục trên hệ thống, góp phần phòng ngừa, phát hiện dấu hiệu tội phạm, phục vụ công tác bảo đảm ANTT trên địa bàn; phục vụ công tác quản lý của ngành Du lịch trên địa bàn huyện.

b. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Tiến hành rà soát các cơ sở lưu trú (khách sạn, nhà nghỉ) trên địa bàn, có nhu cầu sử dụng phần mềm thông báo lưu trú ASM.

Bước 2: Tổ chức tuyên truyền và hướng dẫn các cơ sở lưu trú sử dụng phần mềm ASM; hướng dẫn mua sắm các thiết bị, máy móc và lập danh sách đề nghị cấp tài khoản cho các cơ sở lưu trú.

Bước 3: Cập nhật thông tin cơ sở lưu trú lên dữ liệu cơ sở quốc gia về dân cư, hỗ trợ công tác phân tích dữ liệu lưu trú, khách du lịch phục vụ ngành du lịch khai thác, quản lý.

Bước 4: Phối hợp Phòng PC06, Cục C06 – Bộ Công an (qua Trung tâm RAR) hoặc các nhà thầu để mua thiết bị, máy móc cung cấp theo nhu cầu mua sắm của các cơ sở (lập danh sách đơn vị có nhu cầu, số lượng và liên hệ Trung tâm RAR để hướng dẫn mua sắm).

Bước 5: Các cơ sở lưu trú thực hiện đăng ký lưu trú trên phần mềm hàng ngày.

c. Địa bàn thực hiện: Giao Công an huyện chủ trì phối hợp Văn phòng HĐND & UBND huyện chọn 02 cơ sở lưu trú trên địa bàn thị trấn Tuy Phước, TT. Diêu Trì làm thí điểm triển khai thực hiện.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 đã được cấp; các cơ sở lưu trú tự mua các thiết bị quét mã Qrcode và trả chi phí sử dụng phần mềm.

e. Thời gian hoàn thành: Trong năm 2024 và những năm tiếp theo

g. Phân công nhiệm vụ: Giao Công an huyện chủ trì, phối hợp Phòng Văn hóa & Thông tin; Tài chính - Kế hoạch; Công an thị trấn Tuy Phước, Công an thị trấn Diêu Trì, 02 cơ sở lưu trú được chọn thí điểm tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, nhân rộng ra địa bàn toàn huyện.

3.2.5. Mô hình 10: Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại: Nhà cho thuê; Nhà ở trong khu công nghiệp.

a. Mục tiêu: Nhà cho thuê; Nhà ở trong khu công nghiệp sử dụng phần mềm thông báo lưu trú ASM được kết nối với Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm tính bảo mật dữ liệu cá nhân, thông tin khách lưu trú được đồng bộ và cập nhật liên tục trên hệ thống, góp phần phòng ngừa, phát hiện dấu hiệu tội phạm, phục vụ công tác bảo đảm ANTT trên địa bàn; phục vụ công tác quản lý của các Khu Công nghiệp trên địa bàn huyện.

b. Nội dung thực hiện:

- Bước 1: Công an huyện tổ chức tuyên truyền và hướng dẫn các cơ sở lưu trú trong khu công nghiệp thực hiện sử dụng phần mềm ASM để đăng ký, quản lý cư trú thống nhất trên địa bàn huyện.

- Bước 2: Phối hợp Phòng PC06- Công an tỉnh, Trung tâm RAR (Cục C06) khởi tạo tài khoản cho các cơ sở lưu trú và hướng dẫn thực hiện.

- Bước 3: Các cơ sở lưu trú thực hiện đăng ký lưu trú trên phần mềm hàng ngày.

c. Địa bàn thực hiện: các cơ sở lưu trú trong khu công nghiệp trên địa bàn huyện.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 đã được cấp; các cơ sở lưu trú tự mua các thiết bị quét mã Qr-Code và trả chi phí sử dụng phần mềm.

e. Thời gian hoàn thành: Trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

g. Phân công nhiệm vụ: Giao Công an huyện chủ trì, phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Kinh tế & Hạ tầng; UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

3.2.6. Mô hình 11: Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại Cơ sở khám chữa bệnh

a. Mục tiêu: Các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn huyện sử dụng phần mềm thông báo lưu trú ASM được kết nối với Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm tính bảo mật dữ liệu cá nhân, thông tin khách lưu trú được đồng bộ và cập nhật liên tục trên hệ thống, góp phần kịp thời phát hiện cảnh báo đối tượng truy nã, phục vụ công tác bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn.

b. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Căn cứ chỉ đạo của Sở Y tế tỉnh, Phòng Y tế huyện có văn bản chỉ đạo các cơ sở khám chữa bệnh triển khai phần mềm thông báo lưu trú ASM.

Bước 2: Công an huyện phối hợp Phòng Y tế tổ chức tuyên truyền và hướng dẫn các cơ sở khám chữa bệnh sử dụng phần mềm ASM; hướng dẫn mua sắm các thiết bị, máy móc và lập danh sách đề nghị cấp tài khoản cho các cơ sở khám chữa bệnh.

Bước 3: Cập nhật thông tin cơ sở khám chữa bệnh lên dữ liệu cơ sở quốc gia về dân cư, hỗ trợ công tác phân tích dữ liệu lưu trú, phục vụ khai thác, quản lý.

Bước 4: Phối hợp Phòng PC06- Công an tỉnh, Cục C06 – Bộ Công an (qua Trung tâm RAR) hoặc các nhà thầu để mua thiết bị, máy móc cung cấp theo nhu cầu mua sắm của các cơ sở (lập danh sách đơn vị có nhu cầu, số lượng và liên hệ Trung tâm RAR để hướng dẫn mua sắm).

Bước 5: Các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thực hiện đăng ký lưu trú trên phần mềm hàng ngày.

c. Địa bàn triển khai: Giao Phòng Y tế đề xuất chọn 01 cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn huyện làm thí điểm triển khai thực hiện. Sau đó nhân rộng trên địa bàn huyện.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 đã được cấp (chi Hội nghị tập huấn, tuyên truyền...) và các cơ sở khám chữa bệnh tự mua các thiết bị quét mã Qrcode và trả chi phí sử dụng phần mềm.

e. Thời gian hoàn thành: Trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

g. Phân công nhiệm vụ: Giao Công an huyện chủ trì, phối hợp Phòng Y tế; Phòng Tài chính- Kế hoạch; UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

3.2.7. Mô hình 12: Triển khai nền tảng quản lý lưu trú trên xe khách đường dài

a. Mục tiêu: Các nhà xe khách đường dài (qua đêm) sử dụng phần mềm thông báo lưu trú ASM được kết nối với Hệ thống CSDLQG về DC, bảo đảm tính bảo mật dữ liệu cá nhân, thông tin khách lưu trú được đồng bộ và cập nhật liên tục trên hệ thống, góp phần phòng ngừa, phát hiện dấu hiệu tội phạm, vi phạm pháp luật phục vụ công tác bảo đảm ANTT trên địa bàn.

b. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Công an huyện khuyến khích, vận động các nhà xe khách đường dài qua đêm triển khai phần mềm thông báo lưu trú ASM.

Bước 2: Tổ chức tuyên truyền và hướng dẫn các các nhà xe khách đường dài qua đêm sử dụng phần mềm ASM; hướng dẫn mua sắm các thiết bị, máy móc và lập danh sách đề nghị cấp tài khoản cho các nhà xe khách đường dài qua đêm. Bước 3: Cập nhật thông tin nhà xe khách đường dài lên dữ liệu cơ sở quốc gia về dân cư, hỗ trợ công tác phân tích dữ liệu lưu trú, phục vụ khai thác, quản lý.

Bước 4: Phối hợp Phòng PC06; Cục C06 – Bộ Công an (qua Trung tâm RAR) hoặc các nhà thầu để mua thiết bị, máy móc cung cấp theo nhu cầu mua sắm của các nhà xe (lập danh sách nhà xe có nhu cầu, số lượng và liên hệ Trung tâm RAR để hướng dẫn mua sắm).

c. Địa bàn triển khai: Giao Công an huyện chọn 01 nhà xe trên địa bàn huyện để làm thí điểm triển khai thực hiện.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 đã được cấp (chi Hội nghị tập huấn, tuyên truyền...) và các nhà xe tự mua các thiết bị quét mã Qrcode và trả chi phí sử dụng phần mềm.

e. Thời gian hoàn thành: Theo lộ trình của Đề án 06

g. Phân công nhiệm vụ: Công an huyện chủ trì (Đội CSGT-TT; Đội CSQLHC về TTXH) phối hợp Phòng Tài chính- Kế hoạch; Phòng Kinh tế hạ tầng; tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, nhân rộng ra các nhà xe trên địa bàn toàn huyện.

3.2.8. Mô hình 13: Triển khai Camera AI kiểm soát ra/vào tại các điểm du lịch.

a. Mục tiêu: giám sát, quản lý con người, khách bảo đảm công tác ANTT, phân tích, cảnh báo các hành vi vi phạm.

b. Nội dung thực hiện:

- Bước 1: Phòng Văn hóa & Thông tin tổ chức tuyên truyền và lựa chọn 01 hoặc nhiều đơn vị trên địa bàn huyện để triển khai.

- Bước 2: Đề xuất đầu tư mua thiết bị đọc CCCD, Cam AI.

- Bước 3: Triển khai quản lý con người ra vào khu du lịch, kiểm soát cảnh báo các hành vi vi phạm và đối tượng truy nã.

- Bước 4: Kết nối về hệ thống tại TTDLQG về DC để giám sát các vấn đề về ANTT.

c. Địa bàn triển khai: 01 địa điểm du lịch trên địa bàn huyện.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 đã được cấp.

e. Thời gian hoàn thành: Theo lộ trình của Cục C06-BCA.

g. Phân công nhiệm vụ: Giao Phòng Văn hóa & Thông tin chủ trì, phối hợp Công an huyện; UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, nhân rộng ra địa bàn toàn huyện.

3.2.9. Mô hình 14: Triển khai Camera AI kiểm soát ra/vào tại Khu công nghiệp

a. Mục tiêu: giám sát, quản lý con người, khách bảo đảm công tác ANTT, phân tích, cảnh báo các hành vi vi phạm

b. Nội dung thực hiện:

- Bước 1: Phòng Kinh tế & Hạ tầng phối hợp Công an huyện tổ chức tuyên truyền tại Cụm công nghiệp trên địa bàn huyện để triển khai.

- Bước 2: Đề xuất đầu tư mua thiết bị đọc CCCD, Cam AI

- Bước 3: Triển khai quản lý con người ra vào Cụm công nghiệp, kiểm soát cảnh báo các hành vi vi phạm và đối tượng truy nã.

- Bước 4: Kết nối về hệ thống tại TTDLQG về DC để giám sát các vấn đề về ANTT.

c. Địa bàn triển khai: Cụm công nghiệp Phước An.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 đã được cấp.

e. Thời gian hoàn thành: Theo lộ trình của Cục C06-BCA.

g. Phân công nhiệm vụ: Giao Phòng Kinh tế & Hạ tầng chủ trì phối hợp Phòng Văn hóa & Thông tin; Công an huyện; UBND xã Phước An tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

3.2.10. Mô hình 15: Triển khai Camera AI kiểm soát ra/vào tại Nhà Ga

a. Mục tiêu: Triển khai tại Nhà Ga phục vụ công tác theo dõi, quản lý, thống kê người ra vào khu vực và kiểm soát an ninh trật tự; phân tích, cảnh báo các hành vi vi phạm.

b. Nội dung thực hiện:

- Bước 1: Phòng Văn hóa & Thông tin tổ chức tuyên truyền và lựa chọn ga Diêu Trì để triển khai thực hiện mô hình này.

- Bước 2: Đề xuất đầu tư mua thiết bị đọc CCCD, Cam AI.

- Bước 3: Triển khai quản lý con người ra/vào ga, kiểm soát cảnh báo các hành vi vi phạm và đối tượng truy nã.

- Bước 4: Kết nối về hệ thống tại TTDLQG về DC để giám sát các vấn đề về ANTT.

c. Địa bàn triển khai: Ga Diêu Trì.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 đã được cấp.

e. Thời gian hoàn thành: Theo lộ trình của Cục C06-BCA.

g. Phân công nhiệm vụ: Giao Phòng Văn hóa & Thông tin chủ trì phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch; Công an huyện; BQL Ga Diêu Trì tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

3.2.11 Mô hình 16: Triển khai xác minh danh tính số tại các cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT (Cơ sở cầm đồ; Cơ sở dịch vụ bảo vệ; Dịch vụ thừa phát lại; Cơ sở khác)

a. Mục tiêu: Nhằm khuyến khích sử dụng thiết bị xác minh di động và đầu đọc thẻ CCCD gắn chip đảm bảo chính xác danh tính khách hàng tại các cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT.

b. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Công an huyện tiến hành khảo sát các cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT (Cơ sở cầm đồ; cơ sở khác...) trên địa bàn, lập danh sách thống kê số lượng cơ sở có nhu cầu đầu tư mua sắm thiết bị đầu đọc thẻ CCCD, xác minh di động.

Bước 2: Phối hợp Phòng PC06; Cục C06 – Bộ Công an (qua Trung tâm RAR) hoặc các nhà thầu để mua thiết bị, máy móc cung cấp theo nhu cầu mua sắm của các cơ sở (*lập danh sách đơn vị có nhu cầu, số lượng và liên hệ Trung tâm RAR để hướng dẫn mua sắm*).

Bước 3: Phối hợp với Đơn vị VNPT Bình Định hướng dẫn tích hợp, sử dụng đầu đọc, thiết bị xác minh di động có kết nối CSDLQG về DC.

c. Địa bàn triển khai:

Giao Công an huyện chọn 01 cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT trên địa bàn xã Phước Lộc để làm thí điểm triển khai thực hiện.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 đã được cấp (*chi phục vụ khảo sát, tuyên truyền, hướng dẫn,...*) và vận động cơ sở tự mua các thiết bị quét mã Qr-Code, ID check, thiết bị xác minh di động,...

e. Thời gian hoàn thành: Theo lộ trình của Cục C06- BCA.

g. Phân công nhiệm vụ: Giao Công an huyện chủ trì phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch; UBND xã Phước Lộc tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, nhân rộng ra địa bàn toàn huyện.

3.2.12 Mô hình 18: Triển khai giải pháp xử phạt giao thông và trật tự an toàn xã hội

a. Mục tiêu: Sử dụng hệ thống quản lý, đăng ký xe của Bộ Công an triển khai thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác minh các phương tiện vi phạm thông qua hệ thống giám sát thông minh tại IOC phục vụ công tác xử phạt giao thông và đảm bảo TTATXH.

b. Nội dung thực hiện:

- Bước 1: Công an huyện phối hợp Văn phòng HĐND & UBND huyện; Phòng Kinh tế & Hạ tầng rà soát các vị trí cần lắp đặt hệ thống giám sát xử lý vi phạm giao thông trên địa bàn huyện.

- Bước 2: Đề xuất đầu tư, lắp đặt thiết bị Cam AI giám sát phương tiện giao thông.

- Bước 3: Cục C06 hướng dẫn tích hợp, kết nối với hệ thống CSDLQG về DC, dữ liệu đăng ký phương tiện.

- Bước 4: C06 phối hợp C08 triển khai giải pháp hỗ trợ xử lý vi phạm (ký biên bản, thanh toán tiền xử phạt,..) trên VNeID.

c. Địa bàn triển khai: Trên địa bàn huyện Tuy Phước.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06.

e. Thời gian hoàn thành: Trong năm 2024 và những năm tiếp theo

g. Phân công nhiệm vụ: Công an huyện chủ trì, phối hợp Văn phòng HĐND&UBND huyện; Phòng Tài chính - kế hoạch; Phòng Văn hóa & Thông tin; Phòng Kinh tế & Hạ tầng; UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

3.2.13. Mô hình 19: Triển khai sử dụng CCCD gắn chip quét thanh toán vé tàu, xe... không dùng tiền mặt.

a. Mục tiêu: Triển khai tích hợp vé tàu xe và đầu đọc CCCD gắn chip.

b. Nội dung thực hiện:

- Bước 1: Phòng Kinh tế & Hạ tầng phối hợp Công an huyện tổ chức tuyên truyền, vận động và hướng dẫn lựa chọn 01 đơn vị thí điểm là nhà ga Diêu Trì.

- Bước 2: Mua sắm thiết bị thanh toán tích hợp chức năng đọc thẻ CCCD gắn chip; Triển khai thiết bị thanh toán tích hợp chức năng quét CCCD gắn chip để thanh toán gắn với nhà Ga.

- Bước 3: Đánh giá và nhân rộng.

c. Địa bàn triển khai: Ga Diêu Trì.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06; vận động Ga Diêu Trì mua sắm thiết bị thanh toán tích hợp thẻ CCCD gắn chip.

e. Thời gian hoàn thành: Năm 2024 và những năm tiếp theo.

g. Phân công nhiệm vụ: giao Phòng Kinh tế & Hạ tầng chủ trì, phối hợp Công an huyện; UBND thị trấn Diêu Trì tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

3.2.14. Mô hình 20: Triển khai cho vay tín chấp công dân; hộ nghèo; người có công

a. Mục tiêu: nhằm hỗ trợ cho vay đúng đối tượng, tránh gian lận, tạo hồ sơ vay không đúng đối tượng, hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng.

b. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội cung cấp danh sách người nghèo, cận nghèo; phối hợp Công an huyện làm sạch dữ liệu sai lệch, đối sánh với danh sách người nghèo, cận nghèo do Cục C06 đối khớp.

Bước 2: Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội phối hợp với Ngân hàng chính sách, các ngân hàng khác trong việc hỗ trợ cho vay; đối tượng vay được xác thực thông qua CSDLQG về DC, VNeID.

c. Địa bàn triển khai:

Giao Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội chọn một số đối tượng nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện phối hợp với Ngân hàng chính sách trong việc hỗ trợ vay vốn nhằm xóa đói giảm nghèo.

d. Kinh phí thực hiện: Nguồn vốn cho vay từ các ngân hàng.

e. Thời gian hoàn thành: Lộ trình triển khai của Cục C06- BCA.

g. Phân công nhiệm vụ: Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội chủ trì, phối hợp Công an huyện; Ngân hàng chính sách và các ngân hàng khác trên địa bàn tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, nhân rộng ra địa bàn toàn huyện.

3.2.15. Mô hình 21: Mô hình xác thực thi online tập trung qua nền tảng công nghệ xác thực thẻ CCCD gắn chip điện tử

a. Mục tiêu: Định danh đúng thí sinh tham dự thi, tránh gian lận trong thi cử.

b. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Phòng Giáo dục và Đào tạo chọn 01 trường THCS trên địa bàn huyện để thực hiện thí điểm; dự toán kinh phí và đề xuất UBND huyện đầu tư mua thiết bị đầu đọc CCCD gắn chip, camera.

Bước 2: Trước kỳ thi, Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo nhà trường hướng dẫn thí sinh đăng ký thông qua thẻ CCCD tại trường.

Bước 3: Kiểm soát đúng người dự thi bằng phương pháp:

- Trực tiếp: xác thực đúng người dự thi với thông tin trên thẻ CCCD.

- Gián tiếp: có thể tổ chức thi online ngoài bất kỳ nơi nào đảm bảo đúng thí sinh đăng ký dự thi (*có thể áp dụng thi offline kiểm tra tư cách dự thi, điểm danh lớp học*).

c. Địa bàn triển khai: Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo chọn 01 trường THCS trên địa bàn huyện để thực hiện thí điểm.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 đã được cấp và kinh phí do nhà trường tự mua các thiết bị đầu đọc CCCD gắn chip; camera.

e. Thời gian hoàn thành: Lộ trình Cục C06-BCA.

g. Phân công nhiệm vụ: Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp Công an huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nội vụ tổ chức triển khai

thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, nhân rộng ra địa bàn toàn huyện.

3.2.16. Mô hình 22: Phát triển du lịch, gắn với phát triển đặc sản vùng miền hỗ trợ người dân ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh xác thực điện tử trong phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế số.

a. Mục tiêu: Giới thiệu, quảng bá sản phẩm cung cấp sản phẩm thương mại điện tử.

b. Nội dung thực hiện:

- Bước 1: Phòng Văn hóa & Thông tin cung cấp tài liệu quảng bá sản phẩm, dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế, du lịch cho C06 đưa lên trang tin tức VNeID.

- Bước 2: C06 sẽ đưa các tin liên quan đến chính sách, sản phẩm hỗ trợ quảng bá rộng rãi.

- Bước 3: Hỗ trợ các hộ kinh doanh cá thể ký hợp đồng điện tử trên VNeID.

c. Địa bàn triển khai:

Giao Phòng Văn hóa & Thông tin chọn sản phẩm, cơ sở làm ngành nghề truyền thống trên địa bàn huyện để thực hiện thí điểm.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 .

e. Thời gian hoàn thành: Lộ trình triển khai của Cục C06-BCA.

g. Phân công nhiệm vụ: Phòng Văn hóa & Thông tin chủ trì, phối hợp Công an huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, nhân rộng ra địa bàn toàn huyện.

3.3. Nhóm tiện ích phục vụ công dân số (bao gồm 10 mô hình)

3.3.1. Mô hình 23: Đảm bảo điều kiện công dân số

a. Mục tiêu: Triển khai tạo lập, cấp phát và liên thông dữ liệu dân cư các tài sản tối thiểu cần sở hữu của công dân số bao gồm: tài khoản định danh điện tử (VneID), tài khoản thanh toán điện tử, địa chỉ số, chữ ký số cho 100% người dân đảm bảo điều kiện.

b. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Công an huyện chỉ đạo Công an các xã, thị trấn thực hiện việc rà soát, điều tra cơ bản để cấp thẻ CCCD gắn chip, tài khoản định danh điện tử cho 100% công dân đủ điều kiện trên địa bàn huyện.

Bước 2: Phối hợp Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai cấp chữ ký số, tài khoản thanh toán, ví điện tử và địa chỉ số cho người dân đủ điều kiện trên địa bàn huyện.

Bước 3: Phối hợp Phòng Văn hóa & Thông tin; Huyện đoàn và UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai tuyên truyền hướng dẫn công dân thực hiện các tiện ích trên.

c. Địa bàn triển khai:

Giao Công an huyện chọn 01 xã trên địa bàn huyện để làm thí điểm triển khai thực hiện.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06 đã được cấp.

e. Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên.

g. Phân công nhiệm vụ: Công an huyện chủ trì, phối hợp Phòng Văn hóa & Thông tin, Huyện đoàn, Phòng Tài chính - Kế hoạch, TCT thực hiện Đề án 06 các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, nhân rộng ra địa bàn toàn huyện.

3.3.2. Mô hình 24: Chuẩn hóa xác thực tập trung (SSO)

a. Mục tiêu: Sử dụng hệ thống xác thực tập trung (SSO) của Bộ Công an triển khai thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh điện tử cho toàn hệ thống nền tảng số phục vụ hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn huyện

b. Nội dung thực hiện:

-Bước 1: Phòng Văn hóa & Thông tin gửi văn bản đề nghị tích hợp tài khoản định danh điện tử và cử đầu mối hỗ trợ.

-Bước 2: Cục C06 cung cấp tài liệu và hỗ trợ tích hợp.

-Bước 3: Cục C06 phối hợp các đơn vị kiểm tra ANAT.

-Bước 4: Triển khai chính thức.

c. Địa bàn triển khai: Trên địa bàn huyện Tuy Phước.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06.

e. Thời gian hoàn thành: Theo lộ trình triển khai của Cục C06-BCA.

g. Phân công nhiệm vụ: Phòng Văn hóa & Thông tin chủ trì, phối hợp Công an huyện, các doanh nghiệp trên địa bàn huyện tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

3.3.3. Mô hình 26: Truyền thông nội bộ cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước

a. Mục tiêu: Tăng cường công tác truyền thông nội bộ đảm bảo cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức thuộc huyện nắm rõ mục tiêu, nội dung, triển khai thành công Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

b. Nội dung thực hiện:

- Bước 1: Cục C06 cung cấp các tài liệu tuyên truyền.
- Bước 2: Phòng Văn hóa & Thông tin chủ trì triển khai công tác truyền thông nội bộ và giám sát kết quả tuyên truyền.

c. Địa bàn triển khai: Trên địa bàn huyện Tuy Phước.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06.

e. Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên.

g. Phân công nhiệm vụ: Phòng Văn hóa & Thông tin chủ trì, phối hợp Công an huyện; các phòng, ban, ngành thuộc huyện; TCT thực hiện Đề án 06 các xã, thị trấn trên địa bàn huyện tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

3.3.3. Mô hình 27: Truyền thông chính sách qua hệ thống LED, Pano, Áp phích, Truyền thanh cơ sở, Truyền hình địa phương, hệ thống phát thanh thông minh, nền tảng số.

a. Mục tiêu: Tăng cường công tác truyền thông đến với mọi người dân nắm, hiểu cùng đồng hành thực hiện thành công Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

b. Nội dung thực hiện:

- Bước 1: Phòng Văn hóa & Thông tin phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng các tài liệu tuyên truyền

- Bước 2: Phòng Văn hóa & Thông tin chủ trì triển khai công tác tuyên truyền.

c. Địa bàn triển khai: Trên địa bàn huyện Tuy Phước.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06.

e. Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên.

g. Phân công nhiệm vụ: Phòng Văn hóa & Thông tin chủ trì, phối hợp Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao; các phòng, ban, ngành thuộc huyện; TCT thực hiện Đề án 06 các xã, thị trấn trên địa bàn huyện tổ chức triển khai thực hiện mô hình này. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo; sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

3.3.5. Mô hình 28: Triển khai nền tảng đào tạo, giáo dục trực tuyến đại chúng mở (MOOC) trên toàn quốc để nâng cao nhận thức, hỗ trợ triển khai Đề án 06 cho cán bộ, công chức, viên chức, giảm chi phí đào tạo truyền thống

a. Mục tiêu: Nâng cao nhận thức, hỗ trợ triển khai Đề án 06 cho các cán bộ, công chức, viên chức thông qua nền tảng đào tạo trực tuyến, giảm chi phí so với đào tạo truyền thống.

b. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Đề nghị các phòng, ban, ngành, TCT thực hiện Đề án 06/CP cấp xã yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức đã được cấp tài khoản tham gia học trực tuyến trên phần mềm MOOC và hoàn thành khoá học theo quy định. Tiếp tục rà soát lập danh sách bổ sung cán bộ, công chức, viên chức của các phòng, ban, ngành của huyện có nhu cầu đăng ký đào tạo trực tuyến để nâng cao nhận thức, hỗ trợ triển khai Đề án 06.

Bước 2: Giao Công an huyện lập văn bản đề nghị C06 - Bộ Công an cấp tài khoản cho học viên và hướng dẫn các đơn vị thực hiện học tập trực tuyến trên website: daotao.ai.

Bước 3: Hệ thống tiến hành kiểm tra đánh giá và cấp chứng chỉ đào tạo trực tuyến trên website: daotao.ai.

c. Phạm vi triển khai: Trên địa bàn toàn huyện.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06, đơn vị chủ trì dự toán.

e. Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên.

g. Phân công nhiệm vụ: Giao Công an huyện chủ trì, phối hợp Văn phòng HĐND & UBND huyện tham mưu Chủ tịch UBND huyện tổ chức thực hiện mô hình này; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

3.3.6. Mô hình 29: Triển khai tổ giác tội phạm qua ứng dụng VNeID

a. Mục tiêu: Sử dụng VNeID trong công tác tổ giác tội phạm bảo đảm ANTT.

b. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Công an huyện chỉ đạo Công an các xã, thị trấn triển khai thực hiện.

Bước 2: Phối hợp Phòng Văn hóa & Thông tin; Đài Truyền thanh các xã, thị trấn tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn công dân thực hiện.

Bước 3: Hướng dẫn công dân tổ giác tội phạm qua ứng dụng VNeID.

c. Phạm vi triển khai: Trên địa bàn toàn huyện.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06, đơn vị chủ trì dự toán.

e. Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên.

g. Phân công nhiệm vụ: Giao Công an huyện chủ trì, phối hợp Phòng Văn hóa & Thông tin huyện và UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện mô hình này; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

3.3.7. Mô hình 30: Triển khai tuyên truyền chính sách, hỗ trợ pháp lý qua ứng dụng VNeID, Call Center

a. Mục tiêu: Sử dụng VNeID tuyên truyền và hỗ trợ pháp lý cho công dân khi có yêu cầu hoặc qua tổng đài đường dây nóng.

b. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Tiếp tục chỉ đạo triển khai cung cấp tính năng số Hotline: 1900.0368 trên VNeID theo hướng dẫn của C06 - Bộ Công an.

Bước 2: Phối hợp Phòng Văn hóa & Thông tin và chỉ đạo Công an cấp xã tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn công dân thực hiện.

Bước 3: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, công khai số điện thoại đường dây nóng của đơn vị để công dân liên hệ khi có yêu cầu cần hỗ trợ về pháp lý.

c. Địa bàn triển khai: Trên địa bàn toàn huyện.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06.

e. Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên.

g. Phân công nhiệm vụ: Giao Công an huyện chủ trì, phối hợp Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Văn hóa & Thông tin tổ chức triển khai thực hiện mô hình này; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

3.3.8. Mô hình 31: Triển khai hệ thống quản lý trường học.

a. Mục tiêu: Xác thực thông tin giáo viên và học sinh; Cho phép giáo viên đăng nhập bằng tài khoản VNeID (SSO); Quản lý điểm, lịch học...

b. Nội dung thực hiện:

- Bước 1: Phòng Giáo dục và Đào tạo rà soát các hệ thống quản lý trên địa bàn huyện để đề xuất.

- Bước 2: Các trường tổ chức thực hiện

c. Địa bàn triển khai: Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo chọn 01 hoặc 02 trường để làm thí điểm.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06.

e. Thời gian hoàn thành: Năm 2024 và những năm tiếp theo.

g. Phân công nhiệm vụ: Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp Công an huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Văn hóa & Thông tin tổ chức triển khai thực hiện mô hình này và nhân rộng trên toàn huyện; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

3.3.9. Mô hình 32: Thông tin lý lịch tư pháp trên VNeID

a. Mục tiêu: Hiện thị thông tin lý lịch tư pháp công dân trên VNeID.

b. Nội dung thực hiện:

- Bước 1: Cục C06 phối hợp Bộ Tư pháp thống nhất quy trình, giải pháp thực hiện trên VneID.

- Bước 2: Công an huyện phối hợp Công an tỉnh, Phòng Tư pháp tăng cường tuyên truyền hướng dẫn công dân thực hiện.

c. Địa bàn triển khai: Trên địa bàn huyện

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06.

e. Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên.

g. Phân công nhiệm vụ: Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp Phòng Văn hóa & Thông tin; Công an huyện tổ chức triển khai thực hiện mô hình này; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

3.3.10. Mô hình 33: Triển khai tích hợp thông tin Sổ sức khỏe điện tử, Sổ lao động điện tử trên VNeID.

a. Mục tiêu: Tích hợp các thông tin sức khỏe, quá trình khám chữa bệnh và việc làm.

b. Nội dung thực hiện:

- Bước 1: Cục C06 phối hợp Bộ Y tế, Bộ LĐTBXH tích hợp sổ sức khỏe điện tử, sổ lao động điện tử.

- Bước 2: Công an huyện, Phòng Văn hóa & Thông tin tăng cường tuyên truyền hướng dẫn công dân thực hiện.

c. Địa bàn triển khai: Trên địa bàn huyện

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06.

e. Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên.

g. Phân công nhiệm vụ: Phòng Y tế, Phòng Lao động - TB &XH chủ trì, phối hợp Công an huyện; Phòng Văn hóa & Thông tin tổ chức triển khai thực hiện mô hình này; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

3.4. Nhóm số hóa, tạo lập, dữ liệu dùng chung trên hệ thống CSDLQG về DC phục vụ cải cách TTHC (bao gồm 03 mô hình)

3.4.1. Mô hình 34: Quản lý thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, VNeID.

a. Mục tiêu: Toàn bộ các thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất được số hóa, làm sạch, xác thực và triển khai tích hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên VNeID.

b. Nội dung thực hiện:

- Bước 1: Phòng Tài nguyên & Môi trường rà soát, phối hợp với Sở Tài nguyên & Môi trường, Công an huyện làm sạch dữ liệu.

- Bước 2: Cục C06 phối hợp Bộ Tài nguyên & Môi trường tích hợp khai thác thông tin chỗ ở hợp pháp phục vụ DVC cư trú, tích hợp các giấy tờ nhà đất trên VneID.

c. Địa bàn triển khai: Trên địa bàn huyện.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06.

e. Thời gian hoàn thành: Năm 2024 và những năm tiếp theo.

g. Phân công nhiệm vụ: Phòng Tài nguyên & Môi trường chủ trì, phối hợp Công an huyện; Phòng Văn hóa & Thông tin; UBND các xã, thị trấn tổ

chức triển khai thực hiện mô hình này; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

3.4.2. Mô hình 35: Số hóa tạo lập dữ liệu trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư như: Hộ tịch, lao động xã hội, đoàn hội,...phục vụ cải cách TTHC

a. Mục tiêu: Tạo lập dữ liệu dùng chung, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

b. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Công an huyện chủ trì hướng dẫn Công an các xã, thị trấn; các phòng, ban thuộc huyện phối hợp làm sạch nguồn dữ liệu do C06 gửi về.

Bước 2: Cục C06 hỗ trợ triển khai các giải pháp số hóa dữ liệu trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Bước 3: Tổ chức triển khai thực hiện tạo lập dữ liệu phục vụ dùng chung trên địa bàn huyện.

c. Địa bàn triển khai: Trên địa bàn toàn huyện.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06, đơn vị chủ trì dự toán.

e. Thời gian hoàn thành: Thực hiện thường xuyên.

g. Phân công nhiệm vụ: Giao Công an huyện chủ trì, phối hợp Phòng Tài chính – Kế hoạch, các phòng, ban của huyện và TCT thực hiện Đề án 06 các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện mô hình này; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

3.4.3. Mô hình 36: Quản lý chương trình An sinh xã hội thông qua VNeID

a. Mục tiêu: Toàn bộ các đối tượng an sinh xã hội được số hóa, làm sạch, xác thực và triển khai chương trình theo dõi, giám sát, hỗ trợ cũng như đảm bảo chính sách cho các đối tượng an sinh xã hội trên một nền tảng thống nhất.

b. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Công an huyện chủ trì hướng dẫn Công an các xã, thị trấn; các phòng, ban thuộc huyện phối hợp làm sạch nguồn dữ liệu do C06 gửi về.

Bước 2: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp các ngân hàng triển khai chi trả An sinh xã hội sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt.

Bước 3: Tích hợp cung cấp thông tin đồng bộ vào CSDL ASXH thông qua VNeID, CSDLQG về DC.

c. Địa bàn triển khai: Trên địa bàn toàn huyện.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06.

e. Thời gian hoàn thành: Năm 2024 và những năm tiếp theo.

g. Phân công nhiệm vụ: Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Công an huyện; Phòng Văn hóa & Thông tin, các ngân hàng trên địa bàn huyện có hỗ trợ cho vay tín chấp tổ chức triển khai thực hiện mô hình này; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

3.5. Nhóm phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp (bao gồm 04 mô hình)

3.5.1. Mô hình 37: Phân tích tình hình dân cư

a. Mục tiêu: Thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thực hiện phân tích tình hình dân cư trên địa bàn huyện phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo huyện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

b. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Văn phòng HĐND & UBND huyện chủ trì vận hành IOC, chủ trì có văn bản đề nghị cung cấp tình hình phân tích và cử đầu mối phối hợp.

Bước 2: Cục C06 cung cấp tài liệu và hướng dẫn tích hợp.

Bước 3: Cục C06 phối hợp kiểm tra ANAT.

c. Địa bàn triển khai: Trên địa bàn toàn huyện.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06.

e. Thời gian hoàn thành: Trong năm 2024 những năm tiếp theo.

g. Phân công nhiệm vụ: Giao Chi cục Thống kê chủ trì, phối hợp Công an huyện; Phòng Văn hóa & Thông tin; UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện mô hình này; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

3.5.2. Mô hình 38: Phân tích tình hình lao động

a. Mục tiêu: Tạo lập dữ liệu người lao động trên địa bàn huyện về lực lượng lao động theo nhóm tuổi, khu vực thành thị, nông thôn, việc làm, thu nhập,....

b. Nội dung thực hiện:

Bước 1: Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội chủ trì thực hiện công tác thu thập phiếu người lao động trên địa bàn huyện.

Bước 2: Phối hợp TCT thực hiện Đề án 06 các xã, thị trấn hoàn thành việc nhập thông tin người lao động trên nền tảng DC01 mở rộng của CSDLQG về Dân cư.

Bước 3: Tổ chức triển khai thực hiện tạo lập dữ liệu phục vụ dùng chung trên địa bàn huyện

c. Địa bàn triển khai: Trên địa bàn toàn huyện.

d. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí của Đề án 06, đơn vị chủ trì dự toán.

e. Thời gian hoàn thành: Trong năm 2024 những năm tiếp theo.

g. *Phân công nhiệm vụ:* Giao Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội chủ trì, phối hợp Phòng Tài chính – Kế hoạch, Công an huyện; TCT thực hiện Đề án 06 các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện mô hình này; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

3.5.3. Mô hình 39: Phân tích tình hình du lịch thông qua lưu trú

a. *Mục tiêu:* Thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thực hiện phân tích tình hình du lịch thông qua lưu trú trên địa bàn huyện phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo huyện, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an sinh xã hội.

b. *Nội dung thực hiện:*

- Bước 1: Phòng Văn hóa & Thông tin có văn bản đề nghị cung cấp tình hình phân tích và cử đầu mối phối hợp.

- Bước 2: Phòng Văn hóa & Thông tin phối hợp Công an huyện thực hiện quản lý lưu trú trên ASM.

- Bước 3: Cục C06 cung cấp tài liệu và hướng dẫn tích hợp và kiểm tra ANAT.

- Bước 4: Triển khai chính thức.

c. *Địa bàn triển khai:* Trên địa bàn toàn huyện.

d. *Kinh phí thực hiện:* Từ nguồn kinh phí của Đề án 06, đơn vị chủ trì dự toán.

e. *Thời gian hoàn thành:* Theo lộ trình triển khai của Cục C06- BCA.

g. *Phân công nhiệm vụ:* Giao Phòng Văn hóa & Thông tin chủ trì, phối hợp Công an huyện; Phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện mô hình này; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

3.5.4. Mô hình 40: Phân tích tình hình trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

a. *Mục tiêu:* Tạo lập dữ liệu di biến động về tình hình dân cư, các loại đối tượng cần quản lý,.. phục vụ công tác điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo.

b. *Nội dung thực hiện:*

Bước 1: Công an huyện chủ trì công tác nhập thông tin đối tượng trên hệ thống CSDLQG về DC khi có hướng dẫn của Cục C06 (*cung cấp tài liệu và hướng dẫn tích hợp*).

Bước 2: Tổ chức triển khai thực hiện tạo lập dữ liệu phục vụ dùng chung trên địa bàn huyện.

c. *Địa bàn triển khai:* Trên địa bàn toàn huyện.

d. *Kinh phí thực hiện:* Từ nguồn kinh phí của Đề án 06, đơn vị chủ trì dự toán.

e. *Thời gian hoàn thành:* Lộ trình của Cục C06-BCA.

g. *Phân công nhiệm vụ*: Giao Công an huyện chủ trì, phối hợp Phòng Tài chính – Kế hoạch, TCT thực hiện Đề án 06 các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện mô hình này; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị được phân công chủ động tổ chức triển khai và phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện các nội dung được xác định trong Kế hoạch này.

2. Các đơn vị có trách nhiệm báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện các mô hình gửi về TCT thực hiện Đề án 06 huyện (*qua Đội Cảnh sát QLHC về TTXH - Công an huyện*) **vào ngày 15 hàng tháng** để tổng hợp báo cáo về Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 06 tỉnh.

3. Giao Văn phòng HĐND & UBND chủ trì, phối hợp Công an huyện theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch của Tổ công tác thực hiện Đề án 06 huyện Tuy Phước về triển khai thực hiện Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt danh mục 42 mô hình thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ Chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn huyện Tuy Phước./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh (báo cáo);
 - Công an tỉnh (báo cáo);
 - TCT thực hiện Đề án 06 huyện;
 - Các đơn vị trực thuộc
 - LĐVP; CVVP K4;
 - Lưu: VT, CAH (QLHC).
- } (để t/hiện);

TỔ TRƯỞNG

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Huỳnh Nam